

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2022/HS-ST
Ngày 19-01-2022

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bé

Thẩm phán: Ông Trần Minh Long

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Phi Hùng

Bà Hà Thị Minh Phượng

Bà Lê Thị Hồng

- Thư ký phiên tòa: Ông Từ Văn Hoàng Lĩnh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:

Bà Nguyễn Thị Như Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 19/01/2022 tại Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 101/2021/TLST-HS ngày 04 tháng 11 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2021/QĐXXST-HS ngày 05 tháng 12 năm 2021; Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 136/TB-TA ngày 18 tháng 12 năm 2021 và Thông báo về việc hoãn phiên tòa số: 02/TB-TA ngày 04 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

- **TRẦN THỊ THANH H**, Sinh ngày 18/6/1967 tại thành phố H; Nơi ĐKKHKT: 74/1 đường H, phường 15, quận P, thành phố H; Chỗ ở hiện nay: 68/1 đường H, phường 15, quận P, thành phố H; Nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Công ty TNHH V; Trình độ văn hoá: 12/12; dân tộc: kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn Đ và bà Lương Thị L (đều đã chết); Gia đình có 09 anh chị em, bị cáo là con thứ 7; có chồng Vương Việt T (Sinh năm 1961) và 6 con; con lớn

nhất sinh năm 1991, con nhỏ nhất sinh năm 1999; Tiền án, tiền sự : Không; bị cáo bị bắt ngày 20/7/2021 theo Quyết định truy nã số: 10/P5 ngày 27/3/2003 của Cơ quan CSĐT - Bộ Công an. Bị cáo hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam T16 Bộ Công an, có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Trần Thị Thanh H:* Luật sư Lê Thị Hồng T – Công ty Luật TNHH Lê Thị Hồng T và Cộng sự thuộc Đoàn Luật sư thành phố Đ, có mặt.

- *Đơn vị Bị hại:* Cục Thuế thành phố Đ; Địa chỉ: Số 190 đường P, phường H quận H, thành phố Đ.

- *Người đại diện hợp pháp của đơn vị Bị hại:* Ông Trần Xuân L. Sinh năm 1962. Chức vụ: Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán – Pháp chế tham gia tố tụng theo Công văn số: 4827/CTDAN-TCCB ngày 29/9/2021 của Cục Thuế thành phố Đ, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Chi nhánh Công ty xuất nhập khẩu Tổng hợp I tại Đ (viết tắt là Chi nhánh XNK Đ) do ông Nguyễn Quang Thuần là Giám đốc Chi nhánh điều hành mọi hoạt động của Chi nhánh, có chức năng kinh doanh xuất nhập khẩu, trực thuộc Công ty XNK Tổng hợp I Bộ Thương Mại (nay là Bộ Công Thương). Chi nhánh có tư cách pháp nhân, tự chịu trách nhiệm về việc đăng ký, kê khai nộp thuế tại Cục Thuế thành phố Đ.

Từ tháng 10/2000 đến tháng 03/2002, ông Nguyễn Quang Thuần đã bàn bạc với Huỳnh Quốc Văn là Phó Bộ phận XNK1 của Chi nhánh XNK Đ chỉ đạo Phạm Thị Hồng Vân, Nguyễn Ngọc Dũng, Phạm Hữu Cư, Trần Ngọc Gia là những cán bộ, nhân viên của Chi nhánh XNK Đ móc nối với Tăng Bá Trường là chủ cơ sở kinh doanh nông sản ở Kim Thành – Hải Dương cùng với Vũ Văn Dũng là đối tượng buôn bán ở

Đồng Đăng, Lạng Sơn và Phạm Thị Sơn tổ chức làm thủ tục xuất khẩu không hàng hóa nông, lâm, hải sản sang thị trường Trung Quốc với tổng doanh số là: 296.867.806.605 đồng và đã hợp thức hóa thủ tục mua vào không số lượng hàng hóa nói trên tại 17 đơn vị, cơ sở kinh doanh trong nước để Chi nhánh XNK làm thủ tục xin hoàn thuế giá trị gia tăng và được Cục Thuế thành phố Đ cho hoàn thuế với tổng số tiền 15.737.855.222 đồng. Sau khi nhận được số tiền hoàn thuế, các đối tượng trong Chi nhánh XNK Đ đã rút chia nhau hưởng. Cụ thể:

Cuối năm 2000, Tăng Bá Trường chịu trách nhiệm tìm các tư thương có hàng xuất khẩu tiểu ngạch sang Trung Quốc đồng ý để Chi nhánh XNK Đ đứng pháp nhân làm thủ tục xuất khẩu, nghĩa là Chi nhánh mượn hạng ngạch, mượn hàng hay thuê hàng của tư nhân để làm thủ tục xuất khẩu, đồng thời Tăng Bá Trường cũng là người chịu trách nhiệm tìm đối tác Trung Quốc ký Hợp đồng ngoại thương mua hàng của Chi nhánh XNK Đ và đối tác trong nước ký Hợp đồng bán hàng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng cho Chi nhánh XNK Đ để Chi nhánh lập thủ tục mua vào bán ra cho phù hợp với doanh số xuất khẩu, làm căn cứ kê khai xin hoàn thuế. Để thực hiện việc trên, Chi nhánh XNK Đ cử người lên Lạng Sơn, Quảng Ninh chờ nhận thông tin của Tăng Bá Trường hoặc người của Trường báo có mặt hàng gì, số lượng bao nhiêu, do xe nào chở, đi qua cửa khẩu nào sẽ làm thủ tục xuất khẩu cho đối tác nào đến đại điểm được chỉ định để đón hàng và làm các thủ tục khai báo với các cơ quan chức năng bằng cách:

Sử dụng các thủ tục, giấy tờ được Giám đốc Chi nhánh ký, đóng dấu không mang sẵn theo để điền thông tin phù hợp với thông tin mà Tăng Bá Trường cung cấp, lấy tư cách pháp nhân là Chi nhánh XNK Đ làm thủ tục xuất khẩu, lập hồ sơ không xuất bán số hàng đó. Làm xong thủ tục thì Chi nhánh XNK Đ báo lại cho Tăng Bá Trường để Trường có cơ sở hợp thức thủ tục mua vào (Hợp đồng, hóa đơn giá trị gia tăng) cho phù hợp với các mặt hàng xuất khẩu.

Để hợp thức hóa nguồn hàng trên (đầu vào), Nguyễn Quang Thuần đã cùng Công ty TNHH V thực hiện ký kết Hợp đồng mua bán hàng hóa không, xuất hóa đơn giá trị gia tăng, lập phiếu thu không, cụ thể:

Công ty TNHH V có địa chỉ tại 162/1A Tân Hòa Đông, phường 14, quận 6, thành phố Hồ Chí Minh do Trần Thành Nhân ở tại C16, đường Cộng Hòa, phường 12, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh thành lập năm 2001. Từ tháng 03 đến tháng 06/2001, Trần Thành Nhân thuê Vũ Ngọc Trân làm Giám đốc với mức lương 3.000.000 đồng/tháng. Sau đó, từ tháng 06/2001 đến tháng 09/2001, Trần Thành Nhân thuê Trần Thị Thanh H làm Giám đốc với mức lương 2.500.000 đồng/tháng. Trong thời gian này, Trần Thành Nhân chỉ đạo ký với Chi nhánh XNK Đ 04 Hợp đồng, 91 hóa đơn giá trị gia tăng bán hàng sản lát, nhãn quả, long nhãn cua, mực với tổng doanh số chưa thuế: 46.857.016.700 đồng, thuế giá trị gia tăng là 2.381.602.310 đồng. Trong đó, Vũ Ngọc Trân có chữ ký trên một Hợp đồng, 49 hóa đơn với doanh số 17.632.025.500 đồng, thuế giá trị gia tăng 915.374.750 đồng; Trần Thị Thanh H ký 42 hóa đơn doanh số 29.224.991.200 đồng, thuế giá trị gia tăng 1.466.227.560 đồng.

Theo lời khai của Vũ Ngọc Trân, trong thời gian Trân làm Giám đốc, Trân giao con dấu và hóa đơn của Công ty cho Trần Thành Nhân quản lý. Vũ Ngọc Trân không biết Công ty TNHH V có bán hàng gì cho Chi nhánh XNK Đ hay không. Những hóa đơn bán hàng cho Chi nhánh XNK Đ không phải do Trân viết và ký. Kết quả giám định kết luận chữ viết và ký trên các hóa đơn bán hàng của Công ty TNHH V cho Chi nhánh XNK Đ không phải chữ viết và chữ ký của Vũ Ngọc Trân.

Đối với Trần Thị Thanh H, tại Cơ quan điều tra đã khai nhận: Trong thời gian làm Giám đốc, Công ty TNHH V không bán hàng gì cho Chi nhánh XNK Đ. Mặc dù Trần Thị Thanh H biết Công ty TNHH V không có quan hệ mua bán hàng hóa với Chi nhánh XNK Đ nhưng Hương vẫn ký 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa không với Chi nhánh XNK Đ gồm long nhãn, nhãn quả khô, ký 2 biên bản thanh lý Hợp đồng, ký không 41 phiếu thu thể hiện Công ty TNHH V thu của Chi nhánh XNK Đ số tiền:

30.707.124.760 đồng; ký xuất không 42 Hóa đơn giá trị gia tăng hàng long nhãn qua sơ chế, nhãn quả khô, cua biển tươi sống, cá mực đen khô, cá mực khô cho Chi nhánh XNK Đ với tổng doanh số các hóa đơn bao gồm tiền hàng là: 29.224.991.200 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 1.500.091.565 đồng, trong đó có 01 Hóa đơn số 054840 – KB/01- N ngày 31/8/2001 không sử dụng kê khai thuế nên chỉ còn lại 41 hóa đơn giá trị gia tăng với số tiền 1.466.227.560 đồng để giúp các đối tượng tại Chi nhánh XNK Đ hợp thức hóa hồ sơ nhằm chiếm đoạt tiền hoàn thuế GTGT của Nhà nước. Sau khi được Cục Thuế thành phố Đ quyết định cho hoàn thuế, các đối tượng trong Chi nhánh XNK Đ đã rút và chiếm đoạt số tiền trên. Việc xuất 41 Hóa đơn GTGT không, ký không 41 Phiếu thu, ký Hợp đồng mua bán hàng hóa và biên bản thanh lý giữa Công ty TNHH V với Chi nhánh XNK Đ đều theo chỉ đạo của Trần Thành Nhân.

Trong vụ án này còn có các bị cáo Nguyễn Quang Thuận, Huỳnh Quốc Văn, Phạm Thị Hồng Vân, Trần Ngọc Gia, Phạm Hữu Cư, Nguyễn Ngọc Dũng...đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2005/HSST ngày 04/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự phúc thẩm số: 367/2005/HSPT ngày 01/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đối với Trần Thành Nhân, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, Nhân đã bỏ trốn khỏi địa phương, Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an đã khởi tố bị can và ra Lệnh truy nã, khi nào bắt được Trần Thành Nhân sẽ xử lý sau.

- Về phần dân sự: Tại Bản án số: 69/2005/HSST ngày 10/10/2005 và Bản án số: 291/2006/HSPT ngày 29/6/2006 đã tuyên buộc một số đơn vị kinh doanh, cá nhân đã nhận tiền của Chi nhánh XNK Đ phải nộp trả lại để hoàn trả cho Cục Thuế thành phố Đ; đồng thời tuyên buộc Nguyễn Quang Thuận, Huỳnh Quốc Văn, Phạm Thị Hồng Vân, Nguyễn Ngọc Dũng, Phạm Hữu Cư, Trần Ngọc Gia phải liên đới bồi thường số tiền 8.737.457.325 đồng cho Cục Thuế thành phố Đ. Do vậy, bị cáo Trần Thị Thanh H không phải chịu trách nhiệm về phần bồi thường dân sự.

Bản cáo trạng số: 57/CTr - VKSTC-V3 ngày 01/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố bị cáo Trần Thị Thanh H về tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*” theo điểm a, khoản 4 điều 139 Bộ luật Hình sự năm 1999.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã ủy quyền cho Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng giữ quyền công tố luận tội và tranh luận:

Hành vi của bị cáo có đủ các yếu tố cấu thành tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”. Do đó, Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999, điểm s khoản 1, 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trần Thị Thanh H từ 04 (*Bốn*) đến 05 (*năm*) năm tù. Về xử lý vật chứng: Những người bị hại đã nhận lại tài sản nên không xét đến. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong tại Bản án số: 69/2005/HSST ngày 10/10/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số: 291/2006/HSPT ngày 29/6/2006 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên không đề cập giải quyết về trách nhiệm dân sự đối với bị cáo.

Tại Công văn số: 4827/CTDAN-TCCB ngày 29/9/2021 của Cục Thuế thành phố Đ về việc cử công chức tham gia tố tụng, ông Trần Xuân L – Phó Trưởng phòng Nghiệp vụ - Dự toán – Pháp chế thay mặt Cục trưởng Cục Thuế thành phố Đ trong công tác điều tra, truy tố, xét xử có ý kiến: Ông đã nghiên cứu nội dung, tính chất vụ án, hành vi phạm tội của các đối tượng liên quan trong các tài liệu: Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2005/HSST ngày 04/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Bản án hình sự phúc thẩm số: 367/2005/HSPT ngày 01/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng; Bản án hình sự sơ thẩm số: 69/2005/HSST ngày 10/10/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng; Bản án hình sự phúc thẩm số: 291/2006/HSPT ngày 29/6/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Theo nội dung các Bản án nêu trên thể hiện: Từ tháng 10/2000 đến tháng 03/2002, Chi nhánh XNK Đ do Nguyễn Quang Thuần làm Giám đốc với sự giúp sức

của một số đối tượng, trong đó có Trần Thị Thanh H đã lập hồ sơ mua bán, xuất khẩu không các mặt hàng nông, lâm sản sang Trung Quốc để làm thủ tục đề nghị hoàn thuế và đã được Cục Thuế thành phố Đ ra quyết định hoàn thuế giá trị gia tăng số tiền 15.737.855.222 đồng. Theo các Bản án đã tuyên nêu trên, Nguyễn Quang Thuần cùng đồng bọn đã phạm tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”, là số tiền 15.737.855.222 đồng (Tiền thuế của Ngân sách Nhà nước) và Cục Thuế thành phố Đ là đơn vị bị hại, đã bị thiệt hại số tiền này. Hành vi của Trần Thị Thanh H– Giám đốc Công ty TNHH V (từ tháng 06/2001 đến tháng 09/2001), đã ký 42 Hóa đơn bán hàng cho Chi nhánh XNK Đ (hợp thức đầu vào) với doanh số: 29.224.991.200 đồng, được hoàn thuế 1.466.227.560 đồng. Hành vi này đã giúp sức cho các đối tượng ở Chi nhánh XNK Đ lừa đảo chiếm đoạt tài sản, số tiền 1.466.227.560 đồng trong tổng số tiền 15.737.855.222 đồng, Nguyễn Quang Thuần và đồng bọn đã lừa đảo chiếm đoạt. Việc xử lý hành vi phạm tội của Trần Thị Thanh H thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân theo quy định của pháp luật, không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng của bị cáo Trần Thị Thanh H: Bị cáo xin HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm đoàn tụ gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát Điều tra – Bộ Công an, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và đơn vị bị hại liên quan đến vụ án không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết

định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện điều hợp pháp.

[2] Về xác định tội phạm: Tại phiên tòa, bị cáo Trần Thị Thanh H đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại Cơ quan Cảnh sát điều tra và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận: Mặc dù Công ty V không có quan hệ mua bán hàng hóa gì với Chi nhánh XNK Đ nhưng từ tháng 06 đến tháng 09/2001, bị cáo Trần Thị Thanh H – Giám đốc Công ty V vẫn ký không 02 Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 47/HĐMBHH ngày 03/8/2001 và Hợp đồng mua bán hàng hóa số: 54/HĐMBHH-THI ngày 31/8/2001; ký không 2 biên bản thanh lý 2 Hợp đồng trên ngày 31/8/2001 và ngày 25/10/2001; ký không biên bản điều chỉnh hóa đơn ngày 18/8/2001 và ngày 25/9/2001; ký không 41 phiếu thu, ký xuất không 41 Hóa đơn giá trị gia tăng về việc xuất bán cho Chi nhánh XNK Đ các mặt hàng long nhãn qua sơ chế, nhãn quả khô, cua biển tươi sống, cá mực đen khô và cá mực khô với doanh số: 29.224.991.200 đồng, tiền thuế giá trị gia tăng là 1.466.227.560 đồng để giúp các đối tượng tại Chi nhánh XNK Đ hợp thức hóa đầu vào để Chi nhánh XNK Đ ký xuất các Hợp đồng bán hàng cho các Công ty Trung Quốc để chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của Nhà nước là 1.466.227.560 đồng. Các chứng từ này đã được Chi nhánh XNK Đ đề nghị Cục Thuế thành phố Đ và Cục Thuế đã cho hoàn thuế tại Quyết định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng số: 366/QĐ/CT-TMDV ngày 19/9/2001 và Quyết định về việc hoàn thuế giá trị gia tăng số: 400/QĐ/CT-TMDV ngày 17/10/2001. Việc Công ty V cung cấp các mặt hàng trên thực chất giữa hai bên không có việc mua bán hàng hóa, không có việc giao nhận tiền, toàn bộ là những chứng từ trên là do Trần Thành Nhân là người thành lập Công ty V đưa cho bị cáo ký không để hợp thức cho việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Mỗi việc bàn bạc, trao đổi, thống nhất việc xuất hóa đơn, Trần Thành Nhân là người làm việc trực tiếp với Chi nhánh XNK Đ. Còn các đối tượng trong Chi nhánh XNK Đ gồm Nguyễn Quang Thuận, Huỳnh Quốc Văn cho rằng việc gặp Trần Thành Nhân chỉ sau khi cá nhân đó được Tăng Bá Trường quan hệ

với họ về việc cung cấp các thủ tục bán hàng cho Chi nhánh XNK Đ (thủ tục đầu vào của 17 pháp nhân, trong đó có Công ty V). Việc quan hệ đặt vấn đề cung cấp thủ tục hợp thức và chi tiền cho các đơn vị này như thế nào đều do Tăng Bá Trường thực hiện như đã thống nhất. Như vậy cho thấy, bị cáo Trần Thị Thanh H không làm việc trực tiếp với các đối tượng trong Chi nhánh XNK Đ cũng như Tăng Bá Trường.

Theo Công văn số: 825 TCT/TTr ngày 22/02/2002 của Tổng Cục Thuế về việc thuế GTGT của hàng hóa bán cho các doanh nghiệp Trung Quốc thì Công ty Thương mại Hữu hạn Đạt Thành, mang địa chỉ: 56 đường Minh Tú, thành phố Nam Ninh, Trung Quốc...là *“không tồn tại”* tại nước Cộng Hòa Nhân Dân Trung Hoa; các số điện thoại và tài khoản có liên quan đến Công ty này đều giả mạo. Như vậy, bị cáo đã ký khống các Hợp đồng mua bán hàng hóa với Chi nhánh XNK Đ đã giúp cho các đối tượng Chi nhánh XNK Đ ký Hợp đồng xuất khẩu ra thị trường Trung Quốc là không có thật.

[2.1] Với hành vi gian dối trong việc không bán hàng nhưng bị cáo Trần Thị Thanh H vẫn ký khống các chứng từ trên dưới sự chỉ đạo của Trần Thành Nhân. Hành vi phạm tội của bị cáo Trần Thị Thanh H đồng phạm với các bị cáo trong vụ án với vai trò giúp sức. Hành vi của bị cáo Trần Thị Thanh H đã cấu thành tội *“Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”* quy định tại điểm a, khoản 4, Điều 139 Bộ luật hình sự năm 1999 như cáo trạng số: 57/CTr - VKSTC-V3 ngày 01/11/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao đã truy tố là có căn cứ, đúng người, đúng tội. Tuy nhiên, xét thấy hành vi phạm tội của bị cáo xảy ra tại thời điểm năm 2001 do Bộ luật hình sự năm 1999 điều chỉnh nhưng đến năm 2022 mới xét xử, đối chiếu với điều luật áp dụng giữa luật cũ và luật mới thì Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 có khung hình phạt bị cáo phạm tội thấp hơn khung hình phạt được quy định tại Bộ luật hình sự năm 1999, do vậy, căn cứ Nghị quyết số: 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội, áp dụng nguyên tắc có lợi cho bị cáo nên HĐXX áp dụng Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 để xét xử bị cáo.

[2.2] Xét tính chất vụ án cũng như tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Vụ án này có tính chất đặc biệt nghiêm trọng, trong đó bị cáo Trần Thị Thanh H đã giúp sức cho các đối tượng của Chi nhánh XNK Đ hợp thức hóa đầu vào để Cục Thuế thành phố Đ cho hoàn thuế giá trị gia tăng nhằm chiếm đoạt tiền hoàn thuế giá trị gia tăng của Nhà nước là 1.466.227.560 đồng. Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến tài sản của Nhà nước được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội. Bị cáo đã phạm tội nhiều lần và số tiền bị cáo đã giúp sức cho các đối tượng của Chi nhánh XNK Đ chiếm đoạt là rất lớn là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52; điểm a, khoản 4, Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017. Sau khi phạm tội bị cáo đã bỏ trốn một thời gian gây khó khăn cho quá trình giải quyết vụ án nên Cơ quan điều tra phải truy nã thể hiện sự không ăn năn, hối cải của bị cáo. Do đó, đối với bị cáo cần xử phạt thích đáng, cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục đồng thời răn đe những đối tượng khác có hành vi tương tự.

[2.3] Tuy nhiên, xét thấy tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Mặt khác, bị cáo là người làm thuê, chỉ làm theo sự chỉ đạo của Trần Thành Nhân, bị cáo không hưởng lợi ích vật chất gì từ Chi nhánh XNK Đ. Hơn nữa, vụ án này các đối tượng có liên quan đến vụ án đã được xét xử và Bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo phạm tội lần đầu là người giúp sức trong vụ án đồng phạm với vai trò không đáng kể nên cần áp dụng một hình phạt dưới mức thấp nhất của khung hình phạt liền kề nhẹ hơn của điều luật. Do đó, cần áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51, khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017 cá thể hóa hình phạt để giảm nhẹ và quyết định một hình phạt tương xứng cho bị cáo khi lượng hình.

[2.4] Tại phiên tòa sơ thẩm, người bào chữa cho bị cáo không tranh luận về tội danh và thống nhất theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nên đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm đoàn tụ gia đình.

[2.5] Đối với Nguyễn Quang Thuần, Huỳnh Quốc Văn, Phạm Thị Hồng Vân, Trần Ngọc Gia, Phạm Hữu Cư, Nguyễn Ngọc Dũng...đã được xét xử tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 01/2005/HSST ngày 04/01/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án hình sự phúc thẩm số: 367/2005/HSPT ngày 01/6/2005 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nên HĐXX không đề cập đến.

[2.6] Đối với Trần Thành Nhân, Tăng Bá Trường hiện nay vẫn đang bỏ trốn khi nào bắt được sẽ xử lý sau.

[3] Về phần dân sự của vụ án đã được giải quyết tại Bản án số: 69/2005/HSST ngày 10/10/2005 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng và Bản án số: 291/2006/HSPT ngày 29/6/2006 của Tòa phúc thẩm Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng. Vì vậy, HĐXX cũng không đề cập.

[4] Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Bị cáo Trần Thị Thanh H phạm tội “*Lừa đảo chiếm đoạt tài sản*”.

Áp dụng điểm a, khoản 4, Điều 174, điểm s khoản 1 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; khoản 2 Điều 54, Điều 58 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Nghị quyết số 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc hội.

Xử phạt: Bị cáo Trần Thị Thanh H 06 (sáu) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt, ngày 20/7/2021.

Án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội thì bị cáo phải chịu 200.000 đồng.

Án xử công khai sơ thẩm, báo cho bị cáo, đơn vị bị hại có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm, ngày 19/01/2022.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự,

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:**

- Bị cáo
- Những người tham gia tố tụng
- VKSND tối cao
- VKSND TP Đà Nẵng
- Cơ quan CSĐT - Bộ Công an
- Trại tạm giam T16 Bộ Công an
- Trại giam Công an thành phố Đà Nẵng
- Cơ quan THAHS
- UBND nơi BC cư trú
- Lưu hồ sơ, VT

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

TRẦN THỊ BÉ